TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số: **50** /2019/HS-PT
Ngày: 18/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Tuấn Long**.
+ *Các thẩm phán*: Ông **Nguyễn Anh**.
Bà **Lâm Vương Mỹ Linh**.

+ *Thư ký phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa*: Ông **Phạm Bai** - Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2019/TLPT-HS ngày 17 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Anh A và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Anh A, Hồ Minh B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 223/2018/HSST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Bị cáo có kháng cáo***:

1. Nguyễn Anh A (tên gọi khác: D), sinh năm 1972; nơi ĐKHKTT: 326/18/13C đường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: Ô 38, Lô 57, tổ X, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Xây dựng; trình độ học vấn: 12; con ông Nguyễn D và bà Phan Thị P; vợ: Nguyễn Thị Tuyết N (1975), có 02 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 17/05/1994, bị tòa án nhân dân huyện N xử phạt 09 tháng tù về tội "*Giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội*" (bị cáo chưa chấp hành xong toàn bộ bản án). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/11/2013 đến ngày 20/12/2013 và từ ngày 11/7/2014 đến ngày 15/9/2014. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Minh B, sinh năm: 1970; nơi cư trú: 150KB Tổ P, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 5/12; con ông Hồ Văn K và bà Trần

Thị I; vợ: Trần Thị G (1977), có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- ***Người bào chữa cho bị cáo***: Luật sư **Trần Quốc Q** - Văn phòng luật sư Quốc Q, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa - bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh A theo yêu cầu của bị cáo. Luật sư Quốc Q có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì muốn đưa Nguyễn Thị S qua Nhật Bản làm việc nên Nguyễn Thị H (*đang định cư tại Nhật Bản*) tìm cách làm giấy tờ giả cho S. Thông qua lời giới thiệu của Th (*đang định cư tại Nhật Bản*), đầu tháng 8/2012 H về Việt Nam tìm gặp và đưa cho Hồ Minh B số tiền là **66.000.000đ** để nhờ B làm chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, hộ chiếu giả nhằm thay đổi họ tên và hạ thấp tuổi của Nguyễn Thị S để S đủ tuổi xuất cảnh sang Nhật Bản, B đồng ý.

Sau đó, Hồ Minh B đến gặp Nguyễn Anh A đặt vấn đề làm giấy tờ giả cho Nguyễn Thị S, A đồng ý và nhận **11.000.000đ** từ B (*B khai đã đưa cho A 26.000.000đ*). A khai: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2012 đến tháng 10/2012, A đã liên lạc với người tên "C" thường gọi là "Nu" (*không rõ địa chỉ cụ thể*) ở thành phố Hồ Chí Minh bằng cách gọi điện thoại từ số thuê bao của A là **0905.468.127** tới số của "C" là **0935.493.805** để đặt làm giả sổ hộ khẩu thay đổi Nguyễn Thị S thành Nguyễn Thị T, sinh năm 1997, thường trú tại thôn Đ, xã L, huyện N, tỉnh Khánh Hòa. Sau khi có sổ hộ khẩu giả mang tên Nguyễn Thị T, A nhờ Lương Thanh Th làm và lấy nhanh chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T, sau đó A cho Th **1.000.000đ** tiền công. Còn lại **10.000.000đ**, A khai đã chuyển cho C **8.000.000đ** và giữ lại **2.000.000đ** cho bản thân.

Khoảng tháng 6/2013, B được Nguyễn Thị Mỹ L (*hiện đang định cư tại Nhật Bản*) giới thiệu Nguyễn Thị Nh có nhu cầu làm giả giấy tờ cho con để bảo lãnh qua Nhật Bản sinh sống. Nh liên lạc với B đặt vấn đề làm giả sổ hộ khẩu, giấy khai sinh giả, chứng minh nhân dân giả, hộ chiếu giả cho Đỗ Nguyễn Uyển Ch, sinh ngày 17/2/1992, HKTT: Tổ dân phố S, xã Ng, Thành phố R, Khánh Hòa và Nguyễn Thị M, sinh ngày 9/6/1993, HKTT: Tổ dân phố K, Xã Ng, Thành phố R, Khánh Hòa, B đồng ý. Thông qua L, B gặp Nguyễn Hữu T1 và nhận từ T1 số tiền là **6.000USD**. Nguyễn Hữu T1 khai nhận: Có người đàn ông tên "chú Ba" nhờ làm giấy đi xuất cảnh cho Đỗ Nguyễn Uyển Ch và Nguyễn Thị M với phí thù lao là **280.000.000đ**; T1 nhận lời, cầm tiền và đổi ra **6.500USD** đưa cho B, còn lại **160.000.000đ** T1 đưa lại cho "chú Ba". Sau khi nhận tiền từ T1, B đi gặp A đặt vấn đề làm giả các giấy tờ theo yêu cầu của Nh với tiền công là **1.200USD**, A đồng ý. Nguyễn Anh A khai nhận đã liên lạc với C (Nu) qua số điện thoại **0935.493.805** để làm hồ sơ giả theo yêu cầu của B. Sau đó, A đã gửi bản sao sổ hộ khẩu của bà Võ Thị Như M1, sinh 1935, HKTT: thôn O, xã S, Khánh Hòa, để C có thông tin giả làm sổ hộ khẩu, hình dấu của công an xã S, huyện K. Ngoài ra, A còn gửi kèm 02 bộ mẫu sổ hộ khẩu thật chưa viết

thông tin mà A đã xin được của Trần Văn Tr, trong đó có một quyển sổ hộ khẩu có số ghi 511033760. Sau khi làm xong các giấy tờ giả, C đã gửi cho A qua dịnh vụ vận chuyển hàng hóa của Công ty TNHH Du lịch V. A đã nhận được 01 sổ hộ khẩu ghi số 511033760 có đóng dấu giả của Công an xã S, chữ ký giả của Trưởng Công an xã và đóng dấu giả tên Cao Văn B1 cùng 02 bản chính giấy khai sinh giả. A đã trực tiếp viết thông tin thay đổi Đỗ Nguyễn Uyển Ch, sinh 17/2/1992, hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố S, xã Ng, Thành phố R, Khánh Hòa thành Trương Ái Th1, sinh: 05/07/1998, hộ khẩu thường trú: Thôn O, Trung Sơn, huyện K, Khánh Hòa và Nguyễn Thị M, sinh ngày 9/6/1993, hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố K, Xã Ng, Thành phố R, Khánh Hòa thành Trương Ái Th2, sinh ngày 10/02/1996, hộ khẩu thường trú: Thôn O, xã S, huyện K, Khánh Hòa vào sổ hộ khẩu có số sêri 511033760 đã được C làm giả con dấu, chữ ký của công an xã S. Khi làm xong các giấy tờ, A đã giao các giấy tờ này lại cho B và trực tiếp hướng dẫn Ch, Th1 sử dụng các giấy tờ tùy thân giả trên để đi làm chứng minh nhân dân. A nhờ Lương Thanh Th làm nhanh chứng minh nhân dân mang tên Trương Ái Th1, Trương Ái Th2 và cho Th **2.000.000đ** tiền công. Sau khi có chứng minh nhân dân, A tiếp tục đưa Ch và Th1 đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Khánh Hòa làm hộ chiếu theo các giấy tờ giả trên. Với hồ sơ làm giả này, A khai đã nhận từ B **1.200USD** tiền công, A đã chuyển **1.000USD** cho C qua dịch vụ vận chuyển hàng hóa của Công ty TNHH Du lịch V, cho Lương Thanh Th **100USD** để làm nhanh chứng minh nhân dân, còn lại A hưởng **100USD**. Tuy nhiên, B khai đã nhận tiền công làm giả giấy tờ từ Nguyễn Hữu T1 là **6.000USD**, B trả tiền công cho A **2.000USD**, còn lại **4.000USD** B giữ lại tiêu xài cho bản thân. Về phía Nguyễn Hữu T1 khai nhận: Bản thân đã nhận **280.000.000đ** của Đỗ Nguyễn Uyển Ch và Nguyễn Thị M, sau đó đổi ra **6.500USD** đưa cho B, còn lại **160.000.000đ** T1 đưa cho "chú Ba" và được người này cho **1.000.000đ**.

Quá trình điều tra đã xác định được chủ sở hữu thuê bao số điện thoại **0935.493.508** không phải là đối tượng tên C "Nu" như A đã khai, mà là của ông Nguyễn E, sinh năm 1952, trú tại: thôn 4, xã A, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Số thuê bao này ông Nguyễn E đã tặng cho anh Lê Đình G1 là nhân viên nhà hàng A để trả công. Vào tháng 3/2013, anh G1 đã kích hoạt số điện thoại trên và sử dụng đến tháng 5/2013 thì tặng lại cho chị Trần Thị Nh1, trú tại: thôn 4, xã A, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Chị Nh1 khai nhận: Nguyễn Anh A đã đến ăn nhậu tại quán của Chị nhiều lần và xin số điện thoại của chị để liên lạc.

Tại bản kết luận số 167/GĐTP/2014 ngày 11/04/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Bản in sổ hộ khẩu số 511033760 đứng tên chủ hộ Võ Thị Như M1 cấp ngày 05/6/2008 với các bản in sổ hộ khẩu mẫu so sánh, ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một bản in in ra.

Tại kết luận số 237/GĐTP/2013 ngày 03/09/2013 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã S, huyện K, tỉnh Khánh Hòa, hình thức dấu chức danh màu đỏ có nội dung "Trưởng công an xã" chữ ký đứng tên " Cao Văn B1" trong sổ hộ khẩu số

511033760 đứng tên chủ hộ Võ Thị Như M1 so với mẫu so sánh không cùng một con dấu đóng ra, không phải do cùng một người ký ra.

Tại bản kết luận số 264/GĐTP/2014 ngày 30/09/2013 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Chữ viết trong sổ hộ khẩu số 511033760 đứng tên chủ hộ Võ Thị Như M1 với chữ viết của Nguyễn Anh A là do cùng một người viết ra.

Bản án hình sự sơ thẩm số 223/2018/HSST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Anh A, Hồ Minh B. Áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo A và áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo B. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Anh A, Hồ Minh B mỗi bị cáo 02 năm 06 tháng tù đều về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/10/2018, bị cáo Hồ Minh B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 04/10/2018, bị cáo Nguyễn Anh A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, vị luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Anh A và bị cáo A đều cho rằng: Bị cáo A là dân lao động, hiểu biết pháp luật hạn chế. Hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo A rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên mong cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận định: Xét thấy tính chất nguy hiểm cho xã hội từ hành vi phạm tội của các bị cáo ở thời điểm hiện tại đã giảm; sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả và đến nay đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính theo như bản án sơ thẩm đã tuyên; Đối với bị cáo A, là người đã có tiền án cũng về hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội nên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Riêng bị cáo B, là người lần đầu phạm tội, xét thấy mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là quá nghiêm khắc. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hồ Minh Bdưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **<u>Về thủ tục tố tụng</u>**: Đơn kháng cáo của các bị cáo đều còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ. Lần lượt vào các ngày 04 và 05/4/2019, các bị cáo Nguyễn Anh A và Hồ Minh Bđều có đơn kháng cáo bổ sung cùng với nội dung

xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Căn cứ Điều 342 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và xét các kháng cáo bổ sung của các bị cáo theo thủ tục chung.

[2] **<u>Về nội dung</u>**: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Anh A và Hồ Minh B đều khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Bản án hình sự sơ thẩm số 223/2018/HSST ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N đã xử phạt các bị cáo Nguyễn Anh A và Hồ Minh B đều về tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*" theo điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] **<u>Xét nội dung kháng cáo</u>**: Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây bất ổn và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái nhưng vì ham lợi nên vẫn thực hiện; riêng đối với bị cáo Nguyễn Anh A là người đã có tiền án về tội "*Giả mạo giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội*" nhưng vẫn không chịu tu dưỡng bản thân, hành vi của các bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật nên cần xử phạt nghiêm.

Xét thấy quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đều tích cực tiếp tục khắc phục hậu quả, nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt. Riêng bị cáo B là người chưa có tiền án tiền sự nên áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Các bị cáo không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Xét thấy quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố N đã nhiều lần trả hồ sơ đề nghị làm rõ hành vi của các đối tượng Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị S, Đỗ Nguyễn Uyển Ch, Nguyễn Thị M, Lương Thanh Th, Nguyễn Thị Phúc L1, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Mỹ L nhưng Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N không truy tố. Bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vụ án theo quy định chung. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiếp tục kiến nghị các cơ quan tiến hành tố tụng tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của các đối tượng nêu trên, nếu đủ căn cứ đề nghị xử lý theo quy định chung.

Xét thấy, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã áp dụng quy định của cả Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 về các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Việc áp dụng như trên là không phù hợp, do đó cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm và điều chỉnh lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Anh A và Hồ Minh B, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: **Các bị cáo Nguyễn Anh A, Hồ Minh B đều phạm tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*"**.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Nguyễn Anh A**, **Hồ Minh B**.

Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo **Nguyễn Anh A**.

Áp dụng khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo **Hồ Minh B**.

Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh A 02 (*hai*) **năm tù về tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*".** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam trước đó từ ngày 07/11/2013 đến ngày 20/12/2013 và từ ngày 11/7/2014 đến ngày 15/9/2014.

- Xử phạt bị cáo Hồ Minh B 01 (*một*) **năm 06** (*sáu*) **tháng tù về tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*".** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Các bị cáo Nguyễn Anh A, Hồ Minh Bkhông phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. N;
- VKSND TP. N;
- Công an TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Án văn; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Long